

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Nho

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Trường A, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Hòa T, xã Tân T, thị xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Hòa T, xã Tân T, thị xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Trường A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, thị xã C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2017 ngày 23/01/2017.

Cuộc sống chung hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại đã

không sống chung khoảng 02 năm nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên anh A yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về nuôi con chung: Anh A và chị T có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Như H, sinh ngày 27/11/2014 (đang sống với chị T) và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/2017 (đang sống với anh A), khi ly hôn, anh A yêu cầu nuôi cháu T, giao cháu Huỳnh cho chị T nuôi dưỡng, anh A và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có lời khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh A về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như An trình Bày, chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh A.

- Về con chung: Chị T và anh A có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Như H, sinh ngày 27/11/2014 (đang sống với chị T) và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/2017 (đang sống với anh A), khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi cháu Huỳnh, giao cháu T cho anh A nuôi dưỡng, chị T và anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 1, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Giấy chứng nhận kết hôn số UBND xã Tân T, thị xã C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2017 ngày 23/01/2017

92 quyển số 01, cấp ngày 03/11/2004 do UBND phường 11, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, cấp cho anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/2017, chị Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi cháu Lê Nguyễn Như H, sinh ngày 27/11/2014, anh A và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh A tự nguyện nộp thay tiền án phí cho chị T nên anh A phải chịu tổng cộng 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại cho anh A tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Lê Trường A khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị Cẩm T có địa chỉ cư trú tại: Tổ 01, ấp Hòa T, xã Tân T, thị xã C, tỉnh An Giang , thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, thị xã C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2017 ngày 23/01/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại đã không sống chung khoảng 02 năm nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, anh A yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh A. Xét thấy anh A và chị T tự nguyện thuận tình ly hôn, do đó căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh A và chị T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2017 ngày 23/01/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, thị xã C cấp cho anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh A có 02 đứa con chung tên Lê Nguyễn Như H, sinh ngày 27/11/2014 (đang sống với chị T) và Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/2017 (đang sống với anh A), anh A và chị T thỏa thuận nuôi con chung cụ thể, cháu T tiếp tục sống với anh A, cháu H tiếp tục sống với chị T. anh A và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung giữa anh A và chị T phù hợp với quy định của pháp luật, HĐXX nghĩ nên công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung giữa anh A và chị T.

Anh A, chị T tạo mọi điều kiện cho nhau để đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh A, chị T thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh A tự nguyện nộp thay tiền án phí cho chị T nên anh A phải chịu tổng cộng 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại cho anh A tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng theo biên lai thu số 0006186 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2017 ngày 23/01/2017 do UBND xã Tân T, thị xã C, tỉnh An Giang cấp cho anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Lê Trường A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/6/2017, chị Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi cháu Lê Nguyễn Như H, sinh ngày 27/11/2014, anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Trường A, chị Nguyễn Thị Cẩm T tạo mọi điều kiện cho nhau để đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh A, chị T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Lê Trường A và chị Nguyễn Thị Cẩm T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh A tự nguyện nộp thay tiền án phí cho chị T nên anh A phải chịu tổng cộng 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại cho anh A tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006186 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Anh Lê Trường A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình